|  |  |
| --- | --- |
| TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN….**TRẠM Y TẾ XÃ…** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: / |  *Bình Định, ngày tháng năm*  |
| V/v đăng ký môi trường cho Dự án Xây dựng Trạm y tế xã ….. |  |

Kính gửi: UBND xã …….

…………. là Chủ đầu tư của Dự án Xây dựng Trạm y tế tại xã ……….., huyện ……….., thuộc đối tượng phải đăng ký môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Địa chỉ trụ sở chính của Chủ đầu tư: thôn ……., xã ……., huyện …… , tỉnh Bình Định.

Quyết định thành lập số ……….. ngày ………. của ………...

Người đại diện theo pháp luật của Chủ đầu tư: ………...

Điện thoại: 0256.............

Trạm y tế xã …………. đăng ký môi trường cho Dự án Xây dựng Trạm y tế với các nội dung sau:

1. **Thông tin chung về dự án đầu tư, cơ sở:**
	1. ***Tên dự án đầu tư, cơ sở:***

XÂY DỰNG TRẠM Y TẾ tại xã ……….., huyện …………

* 1. ***Địa điểm thực hiện dự án đầu tư, cơ sở***

Địa điểm thực hiện dự án đầu tư, cơ sở: thôn ..........., xã ..........., huyện ........., tỉnh Bình Định; có giới cận cụ thể như sau:

 Phía Đông giáp: ..............

+ Phía Tây giáp: ................

+ Phía Nam giáp: ..............

+ Phía Bắc giáp: ................

Tổng diện tích Dự án là: ........... m2.

* 1. ***Nguồn vốn và tiến độ thực hiện dự án đầu tư***

Tổng mức đầu tư: ........ (đồng). Nguồn vốn: ............

Tiến độ thực hiện: ………….

***1.4. Quy mô; công suất; công nghệ và loại hình sản xuất của dự án đầu tư, cơ sở***

*a) Quy mô, công suất dự án*

Diện tích:……….

Các hạng mục công trình: ……………

*b) Công nghệ và loại hình sản xuất của dự án đầu tư*

Quy trình hoạt động:

Đón tiếp bệnh nhân/người dân

* Khám bệnh, chữa bệnh
* Tiêm chủng;
* Sơ cứu, cấp cứu ban đầu;
* Đỡ đẻ;
* Phục hồi chức năng.
* …
* Chất thải rắn sinh hoạt;
* Chất thải y tế lây nhiễm (Kim tiêm, bông, băng dính máu,…) và chất thải y tế không lây nhiễm (…)
* Nước thải.
* Loại hình dự án: Công trình dân dụng, cấp IV.

**2. Nguyên, nhiên liệu, hóa chất sử dụng và các sản phẩm dự án đầu tư**

***2.1. Nhu cầu sử dụng hóa chất:***

***Bảng: Danh mục hóa chất dự kiến sử dụng***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên hóa chất** | **Đơn vị** | **Khối lượng/tháng** | **Tổng khối lượng/năm** |
| Hóa chất tiệt trùng |
| 1 | Cloramin B dạng lỏng | kg/tháng |  |  |
| 2 | Cloramin B dạng viên | viên/tháng |  |  |
| Hóa chất tẩm mùng | lít/tháng |  |  |
| … |  |  |  |

(Danh mục hóa chất có thể thay đổi theo từng Trạm y tế cụ thể )

***2.2. Nhu cầu sử dụng nước:***

* Lượng nước sử dụng:

***Bảng: Tổng hợp nhu cầu sử dụng nước***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Đối tượng** | **Quy mô/Số lượng** | **Nhu cầu tiêu thụ nước (lít/người/ngày)** | **Tiêu chuẩn** | **Tổng nhu cầu sử dụng nước (m3/ngày.đêm)** |
| Cán bộ công nhân viên + Y bác sĩ trực | 08 người | 100 (l/ngày) | TCVN 33:2006, đô thị loại IV, đô thị loại V, điểm dân cư nông thôn | 0,8 |
| Bệnh nhân khám bệnh, tiêm chủng, phục hồi chức năng  | 30người | 15 (l/ngày) | TCVN 4513:1988 | 0,45 |
| Bệnh nhân sơ cứu, cấp cứu ban đầu | 10 người | 15 (l/ngày) | TCVN 4513:1988 | 0,15 |
| Bệnh nhân đẻ thường | 01 người | 250 (l/ngày) | Tương đương bệnh nhân điều trị của các bệnh viện theo TCVN 4513:1988 | 0,25 |
| Nước tưới cây | …… (m2) | 4 (l/m2) | TCVN 33:2006 | … |
| …. |  |  |  |  |
| Tổng cộng |  |

(Thông tin về Quy mô/Số lượng, Nhu cầu sử dụng nước, Tiêu chuẩn cấp nước có thể thay đổi theo từng Trạm y tế cụ thể)

*Ghi chú:*

+ TCVN 33:2006 – Cấp nước – mạng lưới đường ống và công trình tiêu chuẩn thiết kế.

+ TCVN 4513-1988: Cấp nước bên trong - Tiêu chuẩn thiết kế.

* Nguồn nước: nước cấp hoặc nước giếng.
1. **Loại, khối lượng chất thải phát sinh**
	1. ***Loại và khối lượng nước thải phát sinh***

Nước thải phát sinh trong quá trình hoạt động chủ yếu là nước thải sinh hoạt; ngoài ra còn có nước thải vệ sinh sàn nhà, nước thải vệ sinh dụng cụ… Thành phần nước thải chứa cặn bã, các chất lơ lửng, các thành phần hữu cơ, dinh dưỡng và vi sinh. Đối với nước thải vệ sinh sàn nhà (có chứa hóa chất khử trùng), nước thải vệ sinh dụng cụ (dụng cụ đã được lau sạch bằng hóa chất khử trùng) nên nước thải của Trạm y tế đã được hạn chế mầm bệnh, cơ bản có tính chất như nước thải sinh hoạt thông thường.

Với nhu cầu sử dụng nước cấp sinh hoạt lớn nhất trong 01 ngày được tính toán ở phần trên, thì lượng nước thải phát sinh trung bình tại Trạm y tế khoảng 1,3 m3/ngày.

Nồng độ các chất ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt thông thường như sau:

Bảng: Nồng độ các chất ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| STT | Chất ô nhiễm | Nồng độ các chấtô nhiễm (mg/l) | QCVN 14:2008/ BTNMT (cột B) (mg/l) |
| 1 | BOD5 | 400 | 50 |
| 2 | SS | 1080 | 100 |
| 4 | NO3- (tính theo N) | 90 | 50 |
| 5 | PO43- (tính theo P) | 35 | 10 |

Ghi chú:

 QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt.

Nhận xét:

So sánh với QCVN 14:2008/BTNMT, cột B, nhận thấy các thông số ô nhiễm vượt so với quy chuẩn cho phép, do đó nước thải của Trạm y tế sẽ được thu gom, xử lý trước khi thải ra môi trường.

* 1. ***Loại và khối lượng chất thải rắn phát sinh***

Theo quy định của Thông tư số 20/2021/TT-BYT ngày 26/11/2021 của Bộ Y tế về quy định quản lý chất thải y tế trong phạm vi khuôn viên cơ sở y tế và Quyết định số 09/2023/QĐ-UBND ngày 13/3/2023 của UBND tỉnh Bình Định về Quy định hoạt động thu gom, lưu giữ, vận chuyển và xử lý chất thải rắn y tế trên địa bàn tỉnh Bình Định, có thể phân loại chất thải rắn tại Trạm y tế thành các nhóm sau:

* Chất thải rắn thông thường;
* Chất thải rắn nguy hại (bao gồm chất thải rắn lây nhiễm và chất thải rắn nguy hại không lây nhiễm).
1. ***Chất thải rắn thông thường***

Chất thải rắn thông thường là chất thải không chứa các yếu tố đôc hại, phóng xạ, lây nhiễm, dễ cháy, dễ nổ, gây ăn mòn, gây nhiễm độc hoặc có đặc tính nguy hại khác. Chất thải rắn thông thường bao gồm chất thải phải xử lý (rác thực phẩm, bì nilon bẩn, hộp xốp, lá cây, vỏ lọ thuốc ….) khoảng 01 kg/ngày, chất thải rắn có khả năng tái chế (bìa carton, giấy, báo, chai nhựa, chai lọ thủy tinh đựng thuốc….) khoảng 02 kg/tháng.

***b) Chất thải nguy hại***

*- Chất thải lây nhiễm:*

Phát sinh khoảng 0,1 kg/ngày, bao gồm:

+ Chất thải lây nhiễm sắc nhọn: bao gồm: bơm kim tiêm, đầu sắc nhọn của dây truyền, lưỡi dao mổ…..

+ Chất thải lây nhiễm không sắc nhọn: là chất thải bị thấm máu, thấm dịch sinh học của cơ thể.

* *Chất thải nguy hại không lây nhiễm:*

Phát sinh khoảng 3 kg/năm, bao gồm:

+ Hóa chất thải bỏ có các thành phần nguy hại.

+ Dược phẩm thải bỏ thuộc nhóm gây độc tế bào;

+ Thiết bị y tế vỡ, hỏng, đã qua sử dụng thải bỏ có chứa thủy ngân và các kim loại nặng; bóng đèn huỳnh quang hỏng.

***Bảng: Thành phần và khối lượng chất thải nguy hại phát sinh***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Tên chất thải | Trạng thái tồn tại | Số lượng(kg/năm) | Mã chất thải |
| 1 | Chất thải lây nhiễm | Rắn | 30 | 13 01 01 |
| 2 | Chất thải không lây nhiễm | Rắn/Lỏng | 3 |  |
|  | Hóa chất thải bỏ bao gồm hoặc có các thành phần nguy hại | Rắn/Lỏng |  | 13 01 02 |
|  | Dược phẩm thải bỏ thuộc nhóm gây độc tế bào | Rắn/Lỏng |  | 13 01 03 |
|  | Thiết bị y tế vỡ, hỏng, đã qua sử dụng thải bỏ có chứa thủy ngân và các kim loại nặng | Rắn |  | 13 03 02 |
|  | Bóng đèn huỳnh quang hỏng | Rắn |  | 01 06 |

(Thành phần và khối lượng chất thải nguy hại phát sinh có thể thay đổi theo từng Trạm y tế cụ thể)

**4. Phương án thu gom, quản lý và xử lý chất thải**

***4.1. Phương án thu gom, quản lý và xử lý nước thải***

Tùy theo đặc điểm cụ thể về quy mô, diện tích, công suất hoạt động và hạ tầng thoát nước, xử lý nước thải tại khu vực thực hiện dự án Trạm y tế có thể lựa chọn các công nghệ xử lý nước thải phù hợp; khuyến cáo xử lý nước thải tại các Trạm y tế bằng công trình bể tự hoại 05 ngăn cải tiến. Hiệu quả của bể tự hoại 5 ngăn cải tiến tối ưu khi thời gian lưu khoảng 48 giờ; do đó, thiết kế bể tự hoại có dung tích gấp 2 lần lưu lượng nước thải phát sinh; dự kiến dung tích khoảng 3 m3. Sơ đồ cấu tạo nguyên lý bể tự hoại được mô tả như sau:



Hình 3.1. Sơ đồ hệ thống bể tự hoại 5 ngăn

* Nguyên lý hoạt động:

Chất thải được đưa vào ngăn chứa thứ nhất (ngăn lắng sơ cấp) của bể để lên men kỵ khí, điều hòa lưu lượng và nồng độ chất bẩn trong dòng chất thải. Nhờ các hộp hướng dòng, chất thải được chuyển động theo chiều từ trên xuống dưới và từ dưới lên trên ở các ngăn lắng và lọc. Nhờ đó, chất thải tiếp xúc với vi sinh vật kỵ khí trong lớp mùn hình thành ở đáy bể trong điều kiện động.

Các chất bẩn hữu cơ được vi sinh vật hấp thụ và chuyển hóa, làm nguồn dinh dưỡng cho sự phát triển của chúng. Cũng nhờ các ống hộp này, bể trở thành một dãy bể kỵ khí được bố trí nối tiếp, cho phép tách riêng 2 pha (lên men acid và lên men kiềm). Quần thể vi sinh vật trong từng ngăn sẽ khác nhau và có điều kiện sinh sôi, phát triển rất nhanh. Ở những ngăn đầu, các vi khuẩn tạo acid sẽ chiếm ưu thế; còn ở những ngăn sau, chủ yếu là các vi khuẩn tạo khí methan.

Để tăng tốc độ phản ứng sinh học, bể được cung cấp thêm một lượng dung dịch men vi sinh đa chủng. Cứ mỗi tháng 1 lần, đổ vào 1 lít dung dịch (hoặc 1 gói bột lên men) cho 1 bể.

Với quy trình này, bể cho phép tăng thời gian lưu bùn. Nhờ vậy, hiệu suất xử lý tăng, trong khi lượng bùn cần xử lý lại giảm. Ngăn lọc sẽ phát sinh khí methan là chính và phân tách chất thải ra thành 3 phần riêng biệt (khí, lỏng, rắn).

Định kỳ sẽ hợp đồng với đơn vị chức năng hút lượng bùn cặn trong bể tự hoại để đưa đi xử lý hoặc khi bể quá tải không hoạt động được.

 ***4.2. Phương án thu gom, quản lý và xử lý chất thải rắn***

* ***Phân loại tại nguồn***
* Nguyên tắc phân loại chất thải

Từng loại chất thải được phân loại để quản lý ngay tại nơi phát sinh và tại thời điểm phát sinh; Phân loại riêng vào trong bao bì, dụng cụ, thiết bị lưu chứa chất thải theo quy định tại Điều 5 của Thông tư số 20/2021/TT-BYT. Trường hợp các chất thải nguy hại không có khả năng phản ứng, tương tác với nhau và áp dụng cùng một phương pháp xử lý, có thể được phân loại chung vào cùng một bao bì, dụng cụ, thiết bị lưu chứa;

Phân loại chất thải:

* *Chất thải thông thường:*

+ Chất thải phải xử lý: Đựng trong túi hoặc trong thùng có lót túi và có màu xanh.

+ Chất thải tái chế: Đựng trong túi hoặc trong thùng có lót túi và có màu trắng.

* *Chất thải lây nhiễm*

+ Chất thải lây nhiễm sắc nhọn: Đựng trong thùng hoặc hộp có màu vàng;

+ Chất thải lây nhiễm không sắc nhọn: Đựng trong túi hoặc trong thùng có lót túi và có màu vàng.

* *Chất thải nguy hại không lây nhiễm*

+ Chất thải nguy hại không lây nhiễm dạng rắn: Đựng trong túi hoặc trong thùng có lót túi và có màu đen.

+ Chất thải nguy hại không lây nhiễm dạng lỏng: Đựng trong các dụng cụ có nắp đậy kín.

* ***Thu gom, lưu giữ, xử lý***

 (Có biển dấu hiệu cảnh báo về chất thải nguy hại đối với thùng chứa chất thải nguy hại)

* *Thu gom chất thải thông thường:*

+ Chất thải tái chế và chất thải phải xử lý được thu gom riêng.

+ Chất thải phải xử lý, chuyển giao cho đơn vị thu gom rác: chứa trong thùng màu xanh, chất liệu nhựa cứng, có nắp đậy kín, dung tích 120 lít hoặc 240 lít. Chuyển giao chất thải phải xử lý cho đơn vị thu gom rác theo tần suất quy định tại địa phương.

+ Chất thải tái chế chứa trong thùng nhựa, hoặc lưu giữ trực tiếp tại khu vực lưu chứa chất thải. Chuyển giao chất thải tái chế cho đơn vị chức năng đã ký hợp đồng.

* *Thu gom chất thải lây nhiễm:*

Chất thải lây nhiễm phải thu gom riêng về khu vực lưu chứa chất thải của Trạm y tế, chứa trong thùng màu vàng, chất liệu nhựa cứng, có nắp đậy kín, dung tích 120 lít hoặc 240 lít; bên ngoài thùng có dán nhãn “CHẤT THẢI CÓ NGUY CƠ LÂY NHIỄM CAO”.

Trong quá trình thu gom, túi đựng chất thải phải buộc kín, thùng đựng chất thải phải có nắp đậy kín, bảo đảm không bị rơi, rò rỉ chất thải trong quá trình thu gom;

Chất thải có nguy cơ lây nhiễm cao phải xử lý sơ bộ trước khi thu gom về khu vực lưu chứa chất thải.

Tần suất thu gom chất thải lây nhiễm về khu vực lưu chứa chất thải: ít nhất 01 (một) lần/ngày.

Chuyển giao chất thải lây nhiễm cho trung tâm y tế cấp huyện trực tiếp quản lý để lưu giữ tạm thời hoặc chuyển giao cho chủ xử lý chất thải do trung tâm y tế cấp huyện đã ký hợp đồng chuyển giao.

* *Thu gom chất thải nguy hại không lây nhiễm:*

Chất thải nguy hại không lây nhiễm được thu gom, lưu giữ riêng tại khu vực lưu chứa chất thải.

Đối với thiết bị y tế bị vỡ, hỏng, đã qua sử dụng có chứa thủy ngân: Thu gom và lưu giữ riêng trong các hộp bằng nhựa hoặc các vật liệu phù hợp và bảo đảm không bị rò rỉ, phát tán hơi thủy ngân ra môi trường.

Dụng cụ, thiết bị lưu chứa chất thải nguy hại tại khu lưu giữ chất thải thực hiện thống nhất theo quy định của Thông tư số 20/2021/TT-BYT và Thông tư 35/2022/TT-BTNMT, đáp ứng các yêu cầu sau đây:

 + Có thành cứng, không bị bục vỡ, rò rỉ chất thải trong quá trình lưu giữ chất thải.

 + Có biển dấu hiệu cảnh báo về chất thải nguy hại.

+ Thiết bị lưu chứa chất thải rắn nguy hại không lây nhiễm có thành phần nguy hại dễ bay hơi phải có nắp đậy kín và biện pháp kiểm soát bay hơi. Trường hợp thiết bị lưu chứa chất thải rắn nguy hại không lây nhiễm không có các thành phần nguy hại dễ bay hơi thì có thể không cần nắp đậy kín nhưng phải có nắp hoặc biện pháp che hoàn toàn nắng, mưa và biện pháp kiểm soát gió trực tiếp vào bên trong;

+ Trường hợp lưu chứa loại chất thải rắn nguy hại không lây nhiễm có khả năng phản ứng hóa học với nhau trong cùng thiết bị lưu chứa thì phải có biện pháp cách ly, bảo đảm các loại chất thải rắn nguy hại không tiếp xúc với nhau trong quá trình lưu chứa.

Chuyển giao chất thải nguy hại không lây nhiễm cho trung tâm y tế cấp huyện trực tiếp quản lý để lưu giữ tạm thời hoặc chuyển giao cho chủ xử lý chất thải do trung tâm y tế cấp huyện đã ký hợp đồng chuyển giao. Tần suất chuyển giao: ít nhất 1 lần/năm.

**5. Cam kết thực hiện công tác bảo vệ môi trường**

Công ty cam kết sẽ thực hiện các đầy đủ các phương án thu gom, quản lý chất thảiphát sinh trong quá trình hoạt động của dự án.

Chúng tôi cam kết bảo đảm về độ trung thực, chính xác của các thông tin, số liệu được nêu trong các tài liệu nêu trên. Nếu có gì sai trái, chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật của Việt Nam.

Đề nghị UBND xã …….. tiếp nhận đăng ký môi trường của Dự án Xây dựng Trung tâm y tế xã./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***- Như trên;- Lưu: VT.  | **TRƯỞNG TRẠM Y TẾ** |